

SOME FACTORS AFFECTING THE RESULTS OF IMPLEMENTATION OF GENDER EQUALITY IN THE NORTHERN MOUNTAIN REGION OF OUR COUNTRY TODAY

Phi Hung Cuong^a
Nguyen Van Suong^b

^a Vietnam Academy for Ethnic Minorities

Email: cuongph@hvd.edu.vn

^b Dak Lak School of Politics

Email: vansuongtct@yahoo.com.vn

Received: 27/8/2021

Reviewed: 06/9/2021

Revised: 12/9/2021

Accepted: 20/9/2021

Released: 30/9/2021

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/579>

Gender equality always is an issue of concern to the State of Vietnam, implementing many important policies to bring about equal rights among genders. Therefore, over the past years, gender equality in Vietnam in general and in the Northern mountainous region in particular has improved markedly. However, the situation of gender inequality in the Northern mountainous region is still taking place in different forms. In the framework of this article, the author analyzes a number of factors affecting the implementation of gender equality in the northern mountainous region today. Thereby, providing a scientific basis to propose appropriate solutions to overcome limitations, contributing to improving the effectiveness of gender equality implementation in the northern mountainous region of our country.

Keywords: *Gender equality; Gender inequality; Affected Factors; Northern mountainous region.*

1. Đặt vấn đề

Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó. Ở nước ta, để nâng cao hiệu quả bình đẳng giới ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN), Đảng và Nhà nước đã ban hành hệ thống các văn bản pháp luật về bình đẳng giới như: Luật Bình đẳng giới, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Lao động, các văn bản hướng dẫn thi hành luật; đặc biệt là Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH) đất nước... Thực hiện các chủ trương trên, các địa phương khu vực miền núi phía Bắc

cũng đã triển khai nghiêm túc, hiệu quả và đã đạt được những thành tựu quan trọng trong công tác bình đẳng giới. Bên cạnh những thành tựu đạt được, thì việc thực hiện bình đẳng giới hiện nay cũng đang bị ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Vì vậy, cần phân tích và đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả thực hiện bình đẳng giới, nhằm cung cấp các cơ sở khoa học để đề xuất những chính sách phù hợp với từng địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả bình đẳng giới ở khu vực miền núi phía Bắc hiện nay.

2. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu về bình đẳng giới nói chung và đối với các yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới nói riêng đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Ngay từ thập niên 90 của thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI đã có những công trình nghiên cứu

sâu về bình đẳng giới, tiêu biểu như: Tác giả Trần Thị Vân Anh và Lê Ngọc Hùng (1996), “Phụ nữ - giới và phát triển”, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội. Tác giả cuốn sách đã tiếp cận vấn đề nghiên cứu dựa trên mối quan hệ giữa phụ nữ - giới và phát triển; phân tích vị trí, vai trò của phụ nữ trong đổi mới kinh tế-xã hội gắn với vấn đề việc làm, thu nhập, sức khỏe, học vấn chuyên môn; phụ nữ quản lý kinh tế-xã hội; phụ nữ và gia đình; chính sách xã hội đối với phụ nữ và ảnh hưởng của chính sách xã hội đối với phụ nữ và thực hiện bình đẳng giới. Tác giả Lê Thị (1998), “Phụ nữ và bình đẳng giới trong đổi mới ở Việt Nam”, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội. Công trình khoa học này chính là kết quả bước đầu của sự vận dụng quan điểm của Đảng và Nhà nước, cũng như quan điểm tiếp cận giới vào việc xem xét các vấn đề có liên quan đến bình đẳng giới, kết hợp với các hình thức thu thập thông tin qua các cuộc khảo sát đời sống phụ nữ công nhân, nông dân, trí thức trong quá trình đổi mới đất nước. Từ đó đã nêu lên những vấn đề đáng quan tâm và đề xuất ý kiến về một số chính sách xã hội cần thiết, nhằm xây dựng sự bình đẳng giới trong tình hình mới. Tác giả Nguyễn Linh Khiếu (2002), với công trình “Khía cạnh quan hệ giới trong gia đình nông thôn miền núi” (Nghiên cứu trường hợp xã Cát Thịnh, huyện Văn Chân, tỉnh Yên Bái), Khoa học về phụ nữ, số 1, trang 25- 29 đã chỉ ra những thành tựu đạt được, những hạn chế cần phải khắc phục, cũng như những xu hướng vận động và phát triển trong tương lai của nông thôn miền núi phía Bắc Việt Nam trong điều kiện toàn cầu hóa hiện nay. Tác giả Nguyễn Linh Khiếu (2003), “Nghiên cứu phụ nữ, giới và gia đình”, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội đã phân tích làm sáng rõ vai trò của phụ nữ cũng như quan hệ giới trong gia đình thể hiện trên tất cả các lĩnh vực như kinh tế, tiếp cận nguồn lực, giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Đặc biệt, tác giả nhấn mạnh hơn đối với phụ nữ nông thôn miền núi, vị thế của họ trong gia đình cũng như những rào cản văn hóa đang cản trở quá trình phát triển của họ. Những kết luận mà tác giả khái quát cũng chính là những vấn đề đặt ra cho các nhà khoa học cũng như những nhà hoạch định chính sách đối với vấn đề phụ nữ - giới và gia đình. Nhóm tác giả Phan Thanh Khôi - Trần Thị Vân Anh - Nguyễn Hữu Minh (Chủ biên) (2008), “Bình đẳng giới ở Việt Nam”, Khoa học xã hội, Hà Nội đã điều tra cơ bản về bình đẳng giới, xác định thực trạng bình đẳng giới về cơ hội và khả năng nắm bắt cơ hội của phụ nữ và nam giới và tương quan giữa hai giới trên lĩnh vực lao động - việc làm, giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe và địa vị trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Đỗ Thị Thạch (2010), “Tác động của toàn cầu hóa đối với thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay” (đề tài khoa học cấp cơ sở của Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ

Chí Minh) đã làm rõ sự tác động của toàn cầu hóa đến việc thực hiện bình đẳng giới trong các mặt đời sống xã hội và gia đình, qua đó đề xuất một số giải pháp để phát huy tác động tích cực và hạn chế tác động tiêu cực của toàn cầu hóa tới thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay. Tác giả Đặng Thị Ánh Tuyết (2005), “Thực hiện bình đẳng giới các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện nay” (Luận văn thạc sĩ Xã hội học), trên cơ sở phân tích thực trạng thực hiện bình đẳng giới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình (qua khảo sát ở Yên Bái và Hà Giang), đã đề xuất phương hướng cơ bản và giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện bình đẳng giới ở một số tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam...

Những công trình trên bước đầu đặt cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu bình đẳng giới theo phương pháp tiếp cận giới. Tuy nhiên, hiện nay có rất ít công trình nghiên cứu sâu về các yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới ở khu vực miền núi phía Bắc nước ta hiện nay. Vì vậy, trên cơ sở kế thừa có chọn lọc những thành quả nghiên cứu trước đây về bình đẳng giới, tác giả sẽ nghiên cứu đầy đủ hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới ở khu vực miền núi phía Bắc nhằm góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện bình đẳng giới ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành bài viết này, tác giả đã sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu, trong đó chủ yếu là phương pháp phân tích, tổng hợp, kết hợp với điển dã dân tộc học.

4. Nội dung nghiên cứu

4.1. Khái quát kết quả thực hiện bình đẳng giới ở khu vực miền núi phía Bắc trong thời gian qua

Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, cùng với những nỗ lực của chính quyền các cấp, tình hình thực hiện bình đẳng giới ở khu vực miền núi phía Bắc trong thời gian qua đã có chuyển biến rõ rệt: Nhận thức về bình đẳng giới của cộng đồng các dân tộc được nâng lên một bước; cơ cấu cán bộ đã có sự tham gia tương đối cả nam và nữ, đặc biệt đội ngũ cán bộ nữ DTTS phát triển nhanh về số lượng, trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ. Nếu như trước đây chủ yếu là nam giới tham gia vào đội ngũ lãnh đạo, cán bộ các cấp, thì hiện nay nhiều nữ giới ở vùng DTTS tham gia vào các cơ quan, đảng, đoàn thể, nhiều người giữ trọng trách cao trong các cơ quan, đoàn thể và tham gia nhiều hơn vào các lĩnh vực lao động. Tại tỉnh Hà Giang, vấn đề bình đẳng giới đã có những tiến bộ vượt bậc. Hội Phụ nữ các cấp đã quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, giới thiệu, đề xuất nhân sự nữ tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp. Nhiệm kỳ 2015-2020, tỷ lệ nữ tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ ở cấp tỉnh đạt 12,96%; cấp huyện đạt

17,64%; cấp xã đạt 18,67%. Tỷ lệ cán bộ nữ tham gia đại biểu HĐND nhiệm 2016 – 2021 ở cấp tỉnh là 33,33%; cấp huyện là 36,55%; cấp xã là 32,65%. Phụ nữ và nam giới đều tham gia các hoạt động đoàn kết, giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, xóa đói, giảm nghèo bằng nhiều hình thức. Nếu như trước đây chủ yếu nam giới là chủ hộ và cũng chính là người làm chủ tham gia các hoạt động, các mô hình tập huấn phát triển kinh tế-xã hội, thì hiện nay, toàn tỉnh có 541 mô hình phát triển kinh tế do phụ nữ làm chủ có thu nhập bình quân từ 60 - 200 triệu đồng/năm/hộ. Hàng năm, có trên 4.000 lượt cán bộ phụ nữ các cấp tham gia; hàng ngàn phụ nữ được học chữ từ Cuộc vận động “Phụ nữ dân tộc thiểu số học chữ và nói tiếng phổ thông”; trên 112.000 lượt phụ nữ được tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình; phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS từ mẹ sang con; giáo dục giới tính và làm mẹ an toàn; phòng, chống các bệnh truyền nhiễm; triển khai và nhân rộng 614 câu lạc bộ trong lĩnh vực gia đình với trên 20.100 thành viên (Báo hagiang.vn).

Tại Lào Cai, nếu như trước đây, đa số nam giới tham gia vào đội ngũ cán bộ, thì hiện nay phụ nữ cũng đã được cấp ủy, chính quyền các cấp ghi nhận, đánh giá cao và giao đảm trách nhiều vị trí quan trọng trong cấp ủy, chính quyền các cấp. Cụ thể nhiệm kỳ 2015 - 2020, tỷ lệ phụ nữ tham gia cấp ủy đảng ở cấp xã đạt gần 21%; cấp huyện, thành phố đạt trên 21%; còn ở cấp tỉnh đạt tới 15,69%. Chị em phụ nữ Hà Nhi và nhiều dân tộc khác là những đại biểu chính thức tham dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI nhiệm kỳ 2020 - 2025, một sự kiện chính trị đặc biệt quan trọng của tỉnh (Quang Thuận, Lào Cai đạt được kết quả quan trọng trong thực hiện bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ, laocaivn.vn).

Kết quả phân tích số liệu tách biệt giới tính trong giai đoạn 2015-2019 trong Báo cáo điều tra tình hình kinh tế-xã hội 53 DTTS năm 2019 cho thấy, những thành tựu nổi bật về bình đẳng giới trong các vùng DTTS&MN như tỷ lệ tảo hôn của người DTTS đã giảm 4,7 điểm phần trăm; tỷ lệ hộ gia đình DTTS có kết nối internet (wifi, cáp hoặc 3G) tăng 9,4 lần, từ 6,5% năm 2015 lên 61,3% năm 2019; tỷ lệ đi học đúng tuổi của trẻ em DTTS tăng 15,2% trong giai đoạn 2015 và 2019... Trong các vùng kinh tế-xã hội, trung du và miền núi phía Bắc có tỷ lệ cán bộ công chức (CBCC) trong cơ quan Đảng là nữ DTTS cao nhất cả nước 8,6% (Báo cáo điều tra tình hình kinh tế-xã hội 53 DTTS năm 2019).

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, thì tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống chung ở 53 DTTS tuy có giảm, nhưng mức giảm chưa đồng đều và cá biệt vẫn tiếp tục tăng trong một số dân tộc, tư tưởng định kiến trọng nam khinh nữ vẫn còn. Định

kiến giới còn khá phổ biến trong mọi đối tượng, trên nhiều mặt. Tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý còn thấp. Ở nhiều vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa, phụ nữ còn bị ràng buộc bởi phong tục tập quán lạc hậu, tỷ lệ phụ nữ nghèo, phụ nữ mù chữ còn cao. Hiện nay, tỷ lệ phụ nữ DTTS từ 10-49 tuổi sinh con tại cơ sở y tế đạt 86,4%, tuy nhiên vẫn thấp hơn đáng kể so với phụ nữ Kinh là trên 99%; Tỷ lệ CBCC nữ DTTS trong các tổ chức chính trị-xã hội thấp hơn đáng kể so với nam DTTS ở tất cả các vùng kinh tế-xã hội. Tỷ lệ CBCC trong các tổ chức chính trị - xã hội là nam DTTS ở Trung du và miền núi phía Bắc là 49,3%, cao gấp 2,2 lần so với tỷ lệ tương ứng của nữ DTTS... Trong cộng đồng người DTTS khu vực miền núi phía Bắc, phụ nữ và trẻ em gái thường là những đối tượng thiệt thòi hơn về khả năng tiếp cận các cơ hội, các nguồn lực, do các chuẩn mực xã hội áp đặt vị trí thấp kém hơn cho họ, giới hạn họ ở các hoạt động sinh con và sản xuất hộ gia đình. Sự đan xen của nhiều hình thức phân biệt đối xử trên cơ sở giới tính và dân tộc có ảnh hưởng phổ biến nhất. Trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, tình trạng phụ nữ và trẻ em gái DTTS biết đọc, biết viết chữ phổ thông ít đáng kể so với nữ giới người Kinh. Một số DTTS có tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái biết đọc, biết viết chữ phổ thông thấp như: Lự 23,22%, La Hù 25,1%, Mông 30,8%, Mảng 32,8%, Brâu 35,71% (Báo cáo điều tra thực trạng kinh tế-xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019). Trong lao động việc làm, mặc dù chênh lệch về tỷ lệ không nhiều nhưng thu nhập của nam giới luôn cao hơn nữ giới. Bên cạnh đó, phụ nữ DTTS tham gia quản lý lãnh đạo còn thấp, không đồng đều ở các lĩnh vực và chưa tương xứng với lực lượng phụ nữ trong xã hội.

4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả thực hiện bình đẳng giới ở khu vực miền núi phía Bắc

4.2.1. Sự phân biệt giới

Trong lịch sử đã có nhiều tư tưởng cho rằng nam và nữ có vai trò khác biệt trong xã hội, trong đó nam giới thường đảm nhiệm các công việc về nghệ thuật, kỹ nghệ, quân đội trong khi phụ nữ đảm nhận việc nội trợ gia đình và chăm sóc trẻ em. Sự chuyên môn hóa về vai trò này đã dẫn đến sự hình thành quan niệm rằng phụ nữ không có khả năng thực hiện các công việc đòi hỏi trí tuệ. Hiện nay, tại hầu hết các địa phương khu vực miền núi phía Bắc, đa số phụ nữ đều có thu nhập thấp hơn nam giới. Từ định kiến này, dẫn đến những công việc có tính chất kỹ thuật chủ yếu là do nam giới đảm nhiệm, còn những công việc mang tính chất xã hội đều do phụ nữ đảm nhiệm.

Một thực tế khách quan nữa là tư tưởng “trọng nam, khinh nữ” vẫn tồn tại trong nhiều gia đình ở khu vực miền núi phía Bắc hiện nay, nhất là các địa bàn vùng sâu, đặc biệt khó khăn và vùng biên giới. Người chồng, người cha là chủ gia đình, có vai trò

quan trọng nhiều mặt của cuộc sống, có quyền hành lớn, quyết định mọi việc từ làm ăn, cưới xin, tang ma đến công việc tín ngưỡng. Đồng thời, họ còn là người thay mặt gia đình quan hệ với họ hàng, làng xóm và các tổ chức xã hội, với chính quyền địa phương. Mọi tài sản trong nhà, kể cả ruộng nương, trâu bò, công cụ sản xuất đều do người đàn ông là người chủ nắm giữ. Nhiều gia đình quan niệm “con gái là con người ta” nên có nhiều gia đình chưa quan tâm nhiều đến việc học tập của con gái mà chỉ ưu tiên đầu tư và khuyến khích con trai học tập, có nghề để nuôi sống gia đình. Quan niệm này khiến cho nhiều em gái phải chịu thiệt thòi, thiếu hiểu biết nên các em dễ trở thành nạn nhân của tục tảo hôn, buôn bán phụ nữ, trẻ em... Ở vùng sâu, xa, vùng đặc biệt khó khăn, tình trạng bất bình đẳng khi chia tài sản thừa kế (đất đai, ruộng, nương...) cho con trai và con gái vẫn còn xảy ra, cha mẹ thường dành phần nhiều hơn cho con trai, thậm chí có nhiều nơi con gái không được thừa kế tài sản của cha mẹ để lại (vì quan niệm con trai được thừa kế tài sản để có trách nhiệm thờ cúng ông bà, tổ tiên, con gái thì xuất giá theo chồng không phải thực hiện trách nhiệm này), gây nên bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử giữa con trai và con gái trong gia đình.

4.2.2. Định kiến giới

Định kiến giới là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí vai trò và năng lực của nam hoặc nữ (khoản 4 Điều 5, Luật Bình đẳng giới). Những định kiến như trên không chỉ tồn tại nhiều từ thời xã hội phong kiến mà ở xã hội ngày nay thì những quan niệm đó vẫn còn hiện hữu. Định kiến giới vừa phản ánh sự bất bình đẳng giới, vừa củng cố duy trì thực trạng bất bình đẳng giới trong xã hội. Thể hiện rõ nhất của định kiến giới phải kể đến tư tưởng “trọng nam khinh nữ”. Mặc dù, những năm gần đây cái nhìn về “con gái” trong xã hội đã cởi mở hơn, vai trò và vị trí của phụ nữ được nâng cao và được khẳng định hơn, nhưng vì tư tưởng thích con trai hơn nên nhiều phụ nữ sẵn sàng phá thai nếu biết thai nhi là con gái. Ở các vùng nông thôn miền núi không có khả năng tiếp cận dịch vụ chẩn đoán giới tính thai nhi sớm đã xảy ra tình trạng có nhiều gia đình vẫn tiếp tục sinh tiếp con thứ 4, thứ 5 cho đến khi sinh được con trai mới thôi. Chính những tư tưởng này đã dẫn đến tình trạng mất cân bằng giới tính ở Việt Nam nói chung và đối với khu vực miền núi phía Bắc nói riêng. Trong quan niệm của người Việt Nam nói chung và đối với khu vực miền núi phía Bắc nói riêng, thì xã hội đặt những chuẩn mực riêng đối với các em gái như chăm làm, duyên dáng, nấu ăn giỏi, biết may vá, thêu thùa... Phụ nữ cũng không được khuyến khích tham gia vào lĩnh vực chính trị hay trở thành lãnh đạo. Khi phụ nữ tham gia vào những lĩnh vực này, họ sẽ mất đi vẻ “nữ tính”. Những chuẩn mực đó đã

khiến các em gái tập trung phát triển các kỹ năng để sau này làm một người nội trợ giỏi hơn là chú ý đến những kỹ năng để sau này kiếm được việc làm tốt hay đóng góp cho sự phát triển của xã hội. Bởi vậy, khi ra trường và tham gia vào thị trường lao động, phụ nữ nói chung sẽ thấp kém hơn nam giới cùng lứa. Khi đã có công việc, xã hội Việt Nam mong đợi phụ nữ có gia đình và dành thời gian chăm sóc cho gia đình hơn là dành thời gian cho xã hội. Điều này ảnh hưởng rất nhiều đến việc chọn nghề của người phụ nữ. Ví dụ, nghề giáo viên được coi là thích hợp với nữ giới một phần vì có nhiều thời gian chăm sóc cho gia đình. Ngày nay, phụ nữ tham gia vào việc tạo thu nhập ở nhiều lĩnh vực như nam giới nhưng xã hội vẫn mong đợi họ phải làm tốt cả công việc nội trợ trong gia đình, chăm sóc con cái, chăm lo việc họ hàng, trong khi nam giới chỉ cần đi làm kiếm thu nhập là đủ. Điều này lại không được coi là quá sức đối với phụ nữ hay bất bình đẳng trong khi họ được coi là “phái yếu”. Bởi mong muốn làm tốt cả hai vai trò, trong khi quỹ thời gian có hạn, phụ nữ phải gồng mình để học tập, lao động và phấn đấu nếu muốn có vị trí ngang bằng với nam giới; hoặc đây là quyết định của phần đa phụ nữ, hy sinh phát triển nghề nghiệp để có thời gian chăm sóc gia đình. Để phát triển nghề nghiệp được tốt, ai cũng cần cập nhật kiến thức, trao dồi kỹ năng thường xuyên. Thời gian nghỉ ngơi, giải trí hàng ngày cũng rất cần thiết để tinh thần và thể chất được hồi phục để có thể tiếp tục làm việc. Nhưng quan niệm xã hội lại không cho phép phụ nữ được hưởng quyền đó vì mong đợi họ cống hiến tiếp cho các công việc gia đình. Rõ ràng, quan niệm của xã hội về một người phụ nữ tốt và hạnh phúc đã tước đoạt đi quyền phát triển nghề nghiệp, thể chất và trí tuệ của chị em. Định kiến về giới, tư tưởng trọng nam giới hơn nữ giới vẫn tồn tại rất lớn ở khu vực miền núi phía Bắc. Nam giới được coi là trụ cột chính của gia đình; việc nội trợ, chăm sóc gia đình, con cái... được coi là của phụ nữ. Vì vậy, phụ nữ vùng DTTS&MN nói chung và đối với khu vực miền núi phía Bắc nói riêng thường có ít thời gian để học tập, nghỉ ngơi, giải trí, tham gia các hoạt động như nam giới. Cơ hội tiếp cận với giáo dục của trẻ em gái và phụ nữ, đặc biệt là trẻ em gái và phụ nữ DTTS ở vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao khu vực miền núi phía Bắc rất thấp, còn nhiều khó khăn, trở ngại. Hiện nay, có tới 74% nam giới ở các hộ gia đình DTTS khu vực miền núi phía Bắc đứng tên độc lập về quyền sở hữu đất đai, tín dụng. Sau khi kết hôn, nam giới vẫn được ưu tiên đi học, còn phụ nữ phải ở nhà thực hiện thiên chức làm mẹ, làm vợ. Vì thế, nam giới DTTS biết đọc, biết viết cao hơn nhiều so với nữ giới. Một số DTTS như Mông, Hà Nhì, La Hủ, Lự,... chỉ có khoảng 20-30% phụ nữ biết đọc, viết (Ủy ban Dân tộc - Tổng cục Thống kê, 2019).

4.2.3. *Yếu tố về trình độ, nhận thức*

Do trình độ dân trí thấp hơn các vùng khác và mặt bằng giáo dục không cao, phong tục tập quán lạc hậu đã ăn sâu vào tư tưởng nên định kiến giới, tư tưởng trọng nam khinh nữ, áp đặt vị trí thấp kém, giới hạn phụ nữ ở các hoạt động sinh con và sản xuất hộ gia đình còn tồn tại nặng nề ở vùng miền núi phía Bắc. Hiện nay, nhận thức của một số người, đặc biệt là nam giới, còn thiếu tôn trọng phụ nữ, thiếu tôn trọng những giá trị mà phụ nữ mang lại cho cuộc sống. Trong khi đó, nữ giới vẫn phải đảm đương việc gia đình nhiều hơn nam giới. Đáng nói là còn một bộ phận không nhỏ nữ giới chưa nhận thức đầy đủ về quyền được bình đẳng của mình, chấp nhận chịu bạo hành, chịu sự phân biệt đối xử một cách gần như là hiển nhiên. Ngoài ra, do sợ ảnh hưởng đến quyền lợi, kinh tế chung của gia đình và định kiến của xã hội, nên vẫn còn nhiều phụ nữ sống cam chịu. Điều đó vô tình gây trở ngại cho sự can thiệp kịp thời của các cơ quan chức năng.

4.2.4. *Yếu tố giáo dục, địa lý và kinh tế*

Khu vực miền núi phía Bắc điều kiện địa bàn sinh sống là vùng sâu, vùng xa còn rất nhiều khó khăn, tỷ lệ nghèo cao, ít được tiếp cận các phương tiện truyền thông; phong tục tập quán, định kiến giới của một số dân tộc còn nặng nề; hạn chế về giao tiếp, tâm lý tự ti, e ngại, rào cản ngôn ngữ của phụ nữ DTTS; năng lực của đội ngũ cán bộ còn hạn chế. Tình trạng nghèo, lạc hậu ở một số vùng nông thôn, vùng DTTS của miền núi phía Bắc khiến lao động nữ ít được đến trường học nên không thông thạo chữ phổ thông, từ đó chưa chủ động tham gia hoạt động xã hội, tham gia các tổ chức xã hội nhằm mang lại sự bình đẳng cho chính mình. Điều kiện kinh tế cũng ảnh hưởng khá lớn đến vấn đề bình đẳng giới, đặc biệt là tình trạng vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

4.2.5. *Yếu tố luật tục, qui ước của địa phương*

Nội dung Luật tục của các dân tộc bao gồm các quy định về quan hệ cộng đồng, quan hệ của người đứng đầu buôn làng với dân, quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng làng bản, giữa cha mẹ với con cái, về sở hữu tài sản, sở hữu đất đai, nương rẫy, nguồn nước, giữ gìn trật tự công cộng, giữ bình yên, hoà thuận trong buôn làng,... Luật tục của các DTTS thể hiện tính nhân văn, tinh thần đoàn kết, cộng đồng dân tộc rất cao. Tuy nhiên, tại những vùng sâu, vùng xa của các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay vẫn còn tồn tại những luật tục, quy ước ảnh hưởng đến bình đẳng giới. Điển hình như tại tỉnh Lào Cai, dân tộc Hà Nhì quy định những phụ nữ người dân tộc Hà Nhì phải mang, vác, gồng gánh nặng nhọc... phải cuốc đất bằng tay nếu nhà nào không có trâu cày ruộng, thậm chí trong ngày mưa lạnh giá họ vẫn phải đi lấy củi về sưởi ấm cho gia đình. Trong khi đó những người chồng lại đang

ở nhà, tụ tập bên mâm rượu hoặc trông con...

Những quy định trong các luật tục về những hoạt động kinh tế như sử dụng, quản lý và phân phối các nguồn tài nguyên ở địa phương... đã có nhiều ảnh hưởng đối với vai trò, vị trí và tiếng nói của nam và nữ trong xã hội. Những giá trị quyết định đối với vai trò giới có thể được truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, qua việc dạy dỗ trẻ em trong gia đình, nhà trường và xã hội. Những giá trị này đã tác động đến các chính sách phát triển về bình đẳng giới.

5. **Thảo luận**

Từ thực tiễn phân tích ở trên cho thấy, những thành tựu đã đạt được trong công tác bình đẳng giới của Việt Nam nói chung và đối với khu vực miền núi phía Bắc nói riêng là không thể phủ nhận. Tuy nhiên, cũng còn những vấn đề đang đặt ra đối với công tác bình đẳng giới mà chúng ta cần phải có những giải pháp phù hợp để khắc phục sớm:

Thứ nhất, chênh lệch thu nhập giữa nam và nữ cùng một vị trí công việc vẫn tồn tại, cơ hội để phụ nữ tiếp cận những việc làm có thu nhập cao vẫn thấp hơn so với nam giới, lao động nữ chưa được đánh giá cao như lao động nam, là đối tượng dễ bị rủi ro và tổn thương hơn khi doanh nghiệp có nhu cầu cắt giảm nhân lực. Đặc biệt là hiện nay, thu nhập bình quân của lao động nữ luôn thấp hơn nam giới.

Thứ hai, tỷ lệ nữ giới làm công tác quản lý, lãnh đạo tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn thấp so với các vị trí quản lý, lãnh đạo nói chung, so với sự gia tăng của lực lượng lao động nữ nói riêng, đặc biệt ở cấp cơ sở.

Thứ ba, phụ nữ vẫn phải làm những công việc nội trợ là chủ yếu. Ngoài ra, phụ nữ còn gặp phải những vấn đề khác như bạo lực gia đình, nạn nhân của buôn bán người, bóc lột lao động, xâm hại tình dục.

6. **Kết luận**

Hiện nay, bình đẳng giới tại khu vực miền núi phía Bắc đã có cải thiện, tình trạng bất bình đẳng giới cũng được thu hẹp. Ở các địa phương khu vực miền núi phía Bắc đều có nữ tham gia vào các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, xã hội và các lĩnh vực khoa học kỹ thuật. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì bình đẳng giới ở khu vực miền núi phía Bắc vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra. Để góp phần hạn chế tình trạng bất bình đẳng giới, bên cạnh các chương trình hành động, các chính sách hỗ trợ của Chính phủ, sự bảo vệ của hệ thống pháp luật, các địa phương cần thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục. Quan trọng hơn là cả nam giới và nữ giới đều cần tự giác thay đổi quan niệm về phân biệt đối xử; nữ giới cũng cần tự nâng cao trình độ, sự hiểu biết để vừa tự bảo vệ bản thân, vừa tích cực tham gia các hoạt động xã hội, qua đó khẳng định ý thức về quyền được bình đẳng của mình.

Tài liệu tham khảo

- Anh, T. T. Van, & Hung, L. N. (1996). *Phu nu - Gioi va phat trien*. Ha Noi: Nxb. Phu nu.
- Khieu, N. L. (2002). Khia canh quan he gioi trong gia dinh nong thon mien nui (Nghien cuu trung hop xa Cat Thinh, Van Chan, Yen Bai). *Tap chi Khoa hoc ve Phu nu, so 1*, 25–29.
- Khieu, N. L. (2003). *Nghien cuu phu nu, gioi va gia dinh*. Ha Noi: Nxb. Khoa hoc Xa hoi.
- Khoi, P. T., Anh, T. T. Van, & Minh, N. H. (Chu bien, 2008). *Binh dang gioi o Viet Nam*. Ha Noi: Nxb. Khoa hoc Xa hoi.
- Thach, D. T. (2010). *Tac dong cua toan cau hoa doi voi thuc hien binh dang gioi o Viet Nam hien nay*. De tai khoa hoc cap co so cua vien Chu nghia Xa hoi Khoa hoc, Hoc vien Chinh tri - Hanh chinh quoc gia Ho Chi Minh.
- Thi, L. (1998). *Phu nu va binh dang gioi trong doi moi o Viet Nam*. Ha Noi: Nxb. Phu nu.
- Thuan, Q. (2020). *Lao Cai dat duoc ket qua quan trong trong thuc hien binh dang gioi, vi su tien bo phu nu*. Truy cap 27/11/2020, tu laocaitv.vn, website: <http://laocaitv.vn/chinh-tri-xa-hoi/lao-cai-dat-duoc-ket-qua-quan-trong-trong-thuc-hien-binh-dang-gioi-vi-su-tien-bo-phu-nu>.
- Tuyet, D. T. A. (2005). *Thuc hien binh dang gioi cac tinh mien nui phia Bac nuoc ta hien nay*. Luan van thac si Xa hoi hoc.
- Uy ban Dan toc, & Tong cuc Thong ke. (2019). *Bao cao dieu tra thuc trang kinh te - xa hoi cua 53 dan toc thieu so*.

MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC NƯỚC TA HIỆN NAY

Phí Hùng Cường^a
Nguyễn Văn Sương^b

^a Học viện Dân tộc

Email: cuongph@hvd.edu.vn

^b Trường Chính trị tỉnh Đắk Lắk

Email: vansuongtct@yahoo.com.vn

Ngày nhận bài: 27/8/2021

Ngày phản biện: 06/9/2021

Ngày tác giả sửa: 12/9/2021

Ngày duyệt đăng: 20/9/2021

Ngày phát hành: 30/9/2021

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/579>

Bình đẳng giới đã và luôn là vấn đề được Nhà nước Việt Nam quan tâm, triển khai nhiều chính sách quan trọng, nhằm mang lại quyền lợi bình đẳng giữa các giới. Vì thế, trong nhiều năm qua, vấn đề bình đẳng giới ở Việt Nam nói chung và đối với khu vực miền núi phía Bắc nói riêng đã có những bước tiến rõ rệt. Tuy vậy, tình trạng bất bình đẳng giới ở miền núi phía Bắc hiện nay vẫn diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện bình đẳng giới ở khu vực miền núi phía Bắc hiện nay. Thông qua đó, cung cấp cơ sở khoa học để đề xuất giải pháp phù hợp, nhằm khắc phục những hạn chế, góp phần nâng cao hiệu quả công tác thực hiện bình đẳng giới ở khu vực miền núi phía Bắc nước ta.

Từ khóa: Bình đẳng giới; Bất bình đẳng giới; Yếu tố ảnh hưởng; Miền núi phía Bắc.